TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 04-7-2024.
"V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Võ Thị Huỳnh G và anh Nguyễn Duy T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Triều.

2. Ông Nguyễn Thanh Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024, về "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Huỳnh G, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số B khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị G vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số B, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh Thanh vắng m tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Huỳnh G trình bày:

Chị G và anh Nguyễn Duy T quen biết nhau, tìm hiểu một thời gian thì được hai gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 2015. Đến ngày 11/01/2016 chị G và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 11/01/2016. Sau khi kết hôn, chị G và anh T sống chung hạnh phúc được một thời gian đến tháng

5/2021 thì anh T, chị G phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2023 cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu, cờ bạc làm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn.

Quá trình sống chung chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo V, sinh ngày 13/9/2015 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 24/5/2021. Hiện hai cháu V và N đang sống cùng chị G.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Huỳnh G yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Duy T; Về con chung, chị G yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung là hai cháu V và N cùng chị G; Về tài sản chung, nợ chung, chị G không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn là chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, và các văn bản tố tụng khác. Nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh T cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Võ Thị Huỳnh G xin ly hôn anh Nguyễn Duy T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị G và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh T có địa chỉ thường trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị G là nguyên đơn, anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị G có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Thanh vắng m không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G và anh T theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Võ Thị Huỳnh G và anh Nguyễn Duy T đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 11/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đ là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị G và anh T đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Tuy nhiên, sau khi cưới chị G và anh T sống chung hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau từ tháng 6/2023 đến nay. Hiện vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, chị G cho rằng anh T không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc. Do không còn tình cảm với anh T nên chị G đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T tại địa chỉ mà chị G đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Anh T cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị G trong vụ án, cũng như thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/4/2024 của Tòa án đối với vụ án. Nhưng anh T không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh T phải tự chịu. Hành động của anh T còn cho thấy anh T không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị G. Từ đó, xác định chị G và anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Huỳnh G để cho vợ chồng chị G và anh T ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo V, sinh ngày 13/9/2015 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 24/5/2021. Hiện con chung là hai cháu V và N đang sống cùng và do mẹ là chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Sự việc này do chị G trình bày nhưng anh T đã không đưa ra ý kiến phản bác trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xác định hai cháu V và N là con chung của chị G và anh T.

Chị G cho rằng hai cháu V và N khỏe mạnh về thể chất, trí tuệ. Khi sống chung với chị G hai cháu V và N vẫn phát triển bình thường. Chị G yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị G. Anh T không có ý kiến phản đối, hiện con chung đang sống cùng và do chị G trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G về nuôi con chung. Cụ thể giao con chung là hai cháu V và N cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu V và N đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống cho cho hai cháu.

Do anh T không có ý kiến gì về con chung và chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung của anh T và chị G.

Dù không là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh T vẫn có các quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 81; có các nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, chị Võ Thị Huỳnh G cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Duy T trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; Và anh Nguyễn Duy T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Võ Thị Huỳnh G.

Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Võ Thị Huỳnh G và anh Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Võ Thị Huỳnh G và anh Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị Huỳnh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Huỳnh G và anh Nguyễn Duy T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo V, sinh ngày 13/9/2015 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 24/5/2021 cho chị Võ Thị Huỳnh Giao tiếp t trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện hai cháu V và N đang sống chung và do chị G trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Duy T không phải đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung là hai cháu V và N cùng chị G.

2.2 Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Võ Thị Huỳnh G phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003674 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị G đã nộp đủ án phí).

Chị Võ Thị Huỳnh G và anh Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã Đ;
(GCNKH số 04 ngày 11/01/2016)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thị Mỹ Xuân